

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2014/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 10 tháng 12 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 35/BCTT-KT&NS ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 với tổng vốn đầu tư là 2.036,8 tỷ đồng.

Trong đó:

- | | | |
|---------------------------------------|---|---------------|
| 1. Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia | : | 166,6 tỷ đồng |
| 2. Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu | : | 445,7 tỷ đồng |

3. Vốn ngân sách địa phương : 871,5 tỷ đồng

Bao gồm:

+ Vốn từ ngân sách tập trung : 269,1 tỷ đồng

(Tinh 161.500 triệu đồng; các huyện, thị xã, thành phố 107.600 triệu đồng)

+ Vốn cấp quyền sử dụng đất : 600 tỷ đồng

(Tinh 450 tỷ đồng; các huyện, thị xã, thành phố 150 tỷ đồng)

+ Vốn hỗ trợ doanh nghiệp công ích : 2,4 tỷ đồng

4. Vốn xổ số kiến thiết : 90 tỷ đồng

5. Vốn khác : 30 tỷ đồng

6. Vốn tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước : 200 tỷ đồng

7. Vốn ODA : 233 tỷ đồng

Điều 2. Nhất trí thông qua danh mục các dự án được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND
ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG		612.300	
A	Chương trình MTQG		166.600	Vốn ĐTPT
B	Các Chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW		445.700	
I	Hỗ trợ theo Nghị quyết vùng		122.713	
I.1	Hỗ trợ các huyện giáp ranh Tây Nguyên		7.000	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		4.600	
1	Kè đê sông Hà Thanh (đoạn từ chợ Vân Canh đến làng Hiệp Giao)	Vân Canh	2.300	dứt điểm
2	Chống xói lở dọc bờ suối Lỗ Chỉnh, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	2.300	
b	Các dự án chuyển tiếp		2.400	
1	Đê sông An Lão (đoạn An Hòa)	An Lão	2.400	
I.2	Hỗ trợ theo NQ 39		115.713	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		43.934	
	Dự án nhóm C			
1	Thông tuyến đường từ huyện lỵ Vĩnh Thạnh đến giáp ĐT637	Vĩnh Thạnh	3.300	dứt điểm
2	Kè chống sạt lở đê sông Kôn - Tây Sơn (gđ1)	Tây Sơn	1.980	dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
3	Kè chống xói lở thôn Thạnh Xuân Đông (gđ1)	Hoài Nhơn	2.100	dứt điểm
4	Đê Xã Mão (gđ1)	Phù Cát	1.450	dứt điểm
5	Kè chống sạt lở đê sông Hà Thanh (đoạn Phước Thành - Phong Thạnh) (gđ1)	Tuy Phước	1.200	dứt điểm
6	Đê sông Cạn (gđ1)	Phù Mỹ	2.100	dứt điểm
7	Kè chống xói lở bờ Nam sông Hà Thanh (gđ2)	Quy Nhơn	1.500	dứt điểm
8	Đê sông Gò Chàm - Phước Hưng (Đoạn phía Nam cầu Sắt đến cầu Ông Quế)	Tuy Phước	754	dứt điểm
9	Kè chống xói lở thôn Công Thạnh - gđ1	Hoài Nhơn	1.350	dứt điểm
10	Cầu Hương Quang	Hoài Ân	2.700	dứt điểm
11	NC, MR đường từ xã Nhơn Hậu đi ĐT636A	An Nhơn	2.400	dứt điểm
12	Kè Canh Hiệp	Vân Canh	1.400	dứt điểm
13	Mở rộng khu trung tâm hành chính huyện lỵ Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	2.000	dứt điểm
14	Xây dựng cầu Bà Chua, cầu Suối Muông trên tuyến ĐT 638 (Điều trị - Mục Thịnh)	TP,VC	3.150	dứt điểm
15	Cầu thay thế đường tràn tuyến đường Nhà Đá - An Lương	Phù Mỹ	2.250	dứt điểm
16	Đường đến Trung tâm xã Đak Mang	Hoài Ân	3.500	dứt điểm
17	Cầu qua đất Bà Khi	Vân Canh	3.700	dứt điểm
18	Đê An Vinh giai đoạn 2, xã Bình Hòa, Tây Bình	Tây Sơn	4.600	dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
19	Cầu Ngô Trang (Km7+300 tuyến tỉnh lộ ĐT632)	Phù Mỹ	2.500	dứt điểm
b	Các dự án chuyển tiếp		38.320	
	Dự án nhóm C			
1	Đê sông An Lão (đoạn An Hòa)	An Lão	2.100	
2	Kè thôn Thịnh Văn II	Vân Canh	2.800	
3	Cầu Ông Tờ	Phù Cát	5.200	
4	Đường vào các khu sản xuất tập trung K1	Vĩnh Thạnh	6.000	
5	Kè chống xói lở Nam sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ (đoạn từ trạm bơm Công Lương đến nhà ông Phong, thôn An Nghiệp), huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	2.800	
6	Nâng cấp tuyến đường ĐT630 (đoạn ngã 4 Gò Cau - Dốc Trông Sỏi)	Hoài Ân	6.000	
7	Gia cố đê sông Kôn (đoạn bờ Bắc Lộc Thượng)	Tuy Phước	3.600	
8	Kè chống xói lở bờ sông Văn Lăng, bờ Bắc kênh Cầu Dương, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn	An Nhơn	2.800	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT632 (Km0+500 - Km7+00)	Phù Mỹ	4.400	
10	Kè chống xói lở Nghĩa Điền	Ân Nghĩa	2.620	
c	Các dự án khởi công mới năm 2015		33.459	
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục huyện lỵ Vĩnh Thạnh (đoạn từ Trường trung học phổ thông Vĩnh Thạnh đến cầu Hà Rơn, thị trấn Vĩnh Thạnh)	Vĩnh Thạnh	3.600	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
2	Kênh mương cấp I Hồ Suối Rùn	Hoài Ân	3.500	
3	Đường phía Tây huyện từ thôn Thịnh Văn I đến làng Suối Đá, huyện Vân Canh (thực hiện giai đoạn 1)	Vân Canh	3.600	
4	Cầu Xóm Tây, xã Cát Tân, huyện Phù Cát	Phù Cát	1.500	
5	Cầu Phú Văn	Hoài Ân		
	<i>Trong đó: thực hiện giai đoạn 1</i>		3.859	
6	Đê sông Hà Thanh (đoạn Cừ Thuộc - Phước Thành)	Tuy Phước	3.600	
7	Kè Cầu Kho Dầu đến Cồn Ông Phong	Hoài Nhơn	3.300	
8	Đê sông La Tinh (đoạn từ thôn Vạn Thái đến thôn Vĩnh Lý)	Phù Mỹ		
	<i>Giai đoạn 1</i>		10.500	
II	Chương trình đê biển củng cố nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển		23.000	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		14.500	
	<i>Dự án nhóm C</i>			
1	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (giai đoạn 1)	Tuy Phước	2.000	dứt điểm
2	Hệ thống đê biển xã Mỹ Thành (gđ2)	Phù Mỹ	3.900	dứt điểm
3	Đê biển xã Nhơn Hải	Quy Nhơn	3.600	dứt điểm
4	Đê hạ lưu đập Bàn Dừa (phía Bắc hạ lưu cầu Trường Úc)	Tuy Phước	5.000	dứt điểm
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		4.900	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
	Dự án nhóm C			
1	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (giai đoạn 2)	Tuy Phước	4.900	
c	Các dự án khởi công mới năm 2015		3.600	
1	Dự án đê biển thôn Lý Hưng và Lý Lương, xã Nhơn Lý (giai đoạn 1), thành phố Quy Nhơn	Quy Nhơn	3.600	
III	Chương trình phát triển giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản		6.000	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		1.800	
	Dự án nhóm C			
1	Xây dựng Trại nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa, màu An Nhơn	An Nhơn	1.800	Dứt điểm
b	Các dự án khởi công mới năm 2015		4.200	
	Dự án nhóm C			
1	Vườn ươm giống cây ngập mặn	Tuy Phước	4.200	
IV	Hỗ trợ hạ tầng nuôi trồng thủy sản		10.000	
	Khởi công mới năm 2015		10.000	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	5.000	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	5.000	
V	Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư		30.087	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		30.087	
	Dự án nhóm C			
1	Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu	Nhơn Châu	30.087	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
VI	Chương trình bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết		11.000	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		5.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>			
1	Khu tái định cư dân ra khỏi vùng thiên tai xã Mỹ An (giai đoạn 2) tỉnh Bình Định	Phù Mỹ	5.000	
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		6.000	
1	Khu Tái định cư dân ra khỏi vùng thiên tai Gò Núi Một, xã Tân An, huyện An Lão	An Lão		
	<i>Giai đoạn 1</i>		3.000	
2	Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong, thị trấn Bồng Sơn	Hoài Nhơn		
	<i>Giai đoạn 1</i>		3.000	
VII	Hỗ trợ đầu tư Khu kinh tế ven biển		110.000	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		33.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Khu TĐC Nhơn Phước GD 2 và phần mở rộng về phía Bắc 15 ha	KKT	33.000	
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		45.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế	KKT	45.000	
c	Các dự án khởi công mới năm 2015		32.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>			
1	Khu xử lý chất thải rắn phục vụ KKT Nhơn Hội	KKT	20.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
	Dự án nhóm C			
1	Nạo vét luồng lạch đường dẫn vào Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ Khu TĐC Nhơn Phước	KKT	12.000	
VIII	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn		5.000	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		1.000	
	Dự án nhóm C			
1	Hỗ trợ San ủi mặt bằng CCN Dốc Truong Sỏi	Hoài Ân	1.000	
b	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2015		4.000	
1	Cụm công nghiệp Chế biến thủy sản Cát Khánh	Phù Cát	4.000	
VIII	Chương trình 134 kéo dài - Đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (QĐ 755)		7.000	
1	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung	3 huyện	7.000	
	<i>Huyện An Lão</i>		<i>2.400</i>	
	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>		<i>1.300</i>	
	<i>Huyện Vân Canh (Trong đó bố trí DA Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sạch suối Phương)</i>		<i>3.300</i>	
IX	Chương trình Phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững		23.000	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		23.000	
	Dự án nhóm B			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Vân Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn	Toàn tỉnh	10.000	
	Dự án nhóm C			
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp giai đoạn 2014 - 2016 tỉnh Bình Định	Toàn tỉnh	10.000	
2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2014 - 2016	Toàn tỉnh	3.000	
X	Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn theo Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ		9.000	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		9.000	
	Dự án nhóm B			
1	Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Bình Định	Bình Định	9.000	
XI	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch		13.000	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		13.000	
	Dự án nhóm C			
1	Đường vào Khu du lịch Hầm Hô (Bảo tàng Quang Trung - Khu du lịch) (giai đoạn 1)	Tây Sơn	5.500	
2	Đường từ Quốc lộ 1A đến khu di tích danh nhân văn hóa Đào Duy Từ - Thực hiện giai đoạn 1: 14 tỷ đồng	Hoài Nhơn	7.500	
XII	Đầu tư y tế tỉnh huyện		10.900	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014		10.900	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	KH 2015	Ghi chú
	Dự án nhóm B			
1	Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	10.900	dứt điểm
XIII	Văn hóa có ý kiến lãnh đạo Đảng, Nhà nước		15.000	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		15.000	
	Dự án nhóm B			
1	Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung	Tây Sơn	15.000	
XIV	Cấp bách khác		30.000	
a	Các dự án khởi công mới năm 2015		30.000	
	Dự án nhóm B			
1	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	Quy Nhơn	30.000	
XV	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 210)		20.000	
a	Các dự án khởi công mới năm 2015		20.000	
1	Nhà máy chế biến gỗ MDF Bình Định	Tây Sơn	20.000	

Phụ lục 02
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND
ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		1.341.500	
A	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TẬP TRUNG		269.100	
*	<i>Giao huyện, thành phố bố trí</i>		<i>107.600</i>	
**	<i>Trả nợ vay ngân sách</i>		<i>104.047</i>	
***	<i>Bố trí cho công trình</i>		<i>57.453</i>	
I	Đối ứng ODA		10.000	
II	Chương trình xây dựng nông thôn mới		5.000	
III	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật		13.675	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành</i>		<i>10.275</i>	
1	Tuyến đường Thiện Đức Hồ Tranh tiếp giáp với đường liên xã Tài Lương - Ka Công	Hoài Nhơn	475	
2	Tuyến đường từ thôn Kiều Huyền đến thôn Kiều An, xã Cát Tân	Phù Cát	1.800	
3	Đường bao ven sông Kôn khu vực Thị trấn Vĩnh Thạnh (từ cầu đường ĐT 637 - Suối Cạn)	Vĩnh Thạnh	1.200	
4	Nâng cấp tuyến đường ĐT 636B (đoạn từ Cầu Vạn đến trường PTTH số 2 Tuy Phước)	Tuy Phước	1.000	
5	Tuyến đường từ tỉnh lộ ĐT634 vào Sơn Lâm, xã Cát Sơn	Phù Cát	1.000	
6	Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Quy Nhơn	1.200	
7	Sửa chữa cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội	Quy Nhơn	1.000	
8	Đường bê tông xi măng từ QL1A vào Nhà máy may Phù Cát (Tổng công ty may Nhà Bè), xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	Phù Cát	1.300	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
9	Sửa chữa các tuyến đường tỉnh lộ ĐT 633, ĐT 638, ĐT 629	PC; VC; HN; AL	1.300	
b	Các dự án chuyển tiếp		3.400	
1	Đường từ trung tâm xã Ân Sơn đến Khu định canh định cư Đồng Nhà Mười	Hoài Ân	1.200	
2	BTXM tuyến đường Ân Đức đi Thị trấn Tăng Bạt Hổ; Hạng mục: BTXM đoạn từ trường Tiểu học số 2 Ân Đức đi cầu Bến Bó	Hoài Ân	1.000	
3	Đường dây 22kV và TBA 50KVA-22/0,4kV cấp điện cho làng Kon Trú, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	1.200	
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT		5.378	
a	Các dự án hoàn thành		4.378	
1	Trại lợn giống cấp I Long Mỹ	Quy Nhơn	1.228	
2	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Hiệp	Vĩnh Thạnh	1.000	
3	Kè Canh Thành	Vân Canh	150	
4	Đê và đập dâng Bộ Tồn	Phù Cát	2.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		1.000	
1	Đê đội 5 khu vực Bằng Châu	An Nhơn	1.000	
V	Ngành Giáo dục - Đào tạo		8.500	
a	Các dự án hoàn thành		8.500	
1	Trường THPT Phù Cát 3	Phù Cát	1.000	
2	Trường THPT An Nhơn 3	An Nhơn	1.000	
3	Trường Chuyên Lê Quý Đôn	Quy Nhơn	1.000	
4	Trường THPT Mỹ Tho	Phù Mỹ	1.000	
5	Trường THCS Ân Mỹ	Hoài Ân	1.000	
6	Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam	Hoài Nhơn	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
7	Trường MN Hoài Hương thôn Nhuận An	Hoài Nhơn	1.000	
8	Trường THPTKT An Nhơn (Nhà lớp học chức năng)	An Nhơn	1.500	
VI	Ngành Khoa học và Công nghệ		1.000	
<i>a</i>	<i>Các dự chuyển tiếp</i>		1.000	
1	Đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị TT Ứng dụng TB KH&CN Bình Định giai đoạn 2012 - 2013	Quy Nhơn	1.000	
VII	Lao động - Xã hội		700	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành</i>		700	
1	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội	Quy Nhơn	700	
VIII	QLNN - ANQP		13.200	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành</i>		6.500	
1	Trụ sở UBND xã Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn	1.000	
2	Sửa chữa nhà làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quy Nhơn	1.000	
3	Sửa chữa nhà làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	Quy Nhơn	1.000	
4	Nhà làm việc các cơ quan, phòng ban thuộc UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	1.000	
5	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất		300	
6	Trụ sở làm việc UBND xã Phước Sơn	Tuy Phước	1.200	
7	Trụ sở làm việc UBND xã Mỹ Thắng (nhà làm việc và hội trường)	Phù Mỹ	1.000	
<i>b</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		6.700	
1	Doanh trại Đại đội Công binh	Quy Nhơn	2.200	
2	Nhà làm việc cho các cơ quan, phòng, ban thuộc UBND huyện Hoài Ân	Hoài Ân	1.500	
3	Trụ sở làm việc UBND xã Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
4	Nhà làm việc Khối Dân Vận - Mặt trận huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	1.000	
5	Nhà làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quy Nhơn	1.000	
B	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		750.000	
*	<i>Giao huyện, thị xã, thành phố bố trí</i>		150.000	
**	<i>Trả nợ ngân sách</i>		250.000	
***	<i>Quỹ phát triển đất</i>		35.000	
****	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		10.000	
*****	<i>Hỗ trợ đầu tư hợp tác bên Lào</i>		1.500	
*****	<i>Bố trí cho công trình</i>		153.500	
	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP		98.500	
I	Chương trình xây dựng nông thôn mới		5.000	
II	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật		22.990	
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành</i>		18.606	
1	Chi phí thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành		1.000	
2	Trả nợ các công trình của công ty cổ phần và phát triển đô thị Bình Định		2.400	
3	Trả nợ Quyết toán các công trình do BQL xây dựng dân dụng đã thực hiện trước năm 2011		1.027	
4	Kết cấu hạ tầng khu TĐC phục vụ KCN Nhơn Hòa	An Nhơn	1.800	
5	Nâng cấp, mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ cổng đến nhà ga sân bay)	Phù Cát	550	Dứt điểm
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phường Bùi Thị Xuân giai đoạn 2,3 (San nền, đắp đất mặt bằng, nền đường, Hệ thống thoát nước)	Quy Nhơn	2.751	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Long Mỹ (Đường giao thông nội bộ)	Quy Nhơn	364	
8	Cấp nước Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	Quy Nhơn	914	Dứt điểm
9	Hệ thống thoát nước bên trái tuyến đường ĐT631 đoạn Km14+200-Km15	Hoài Ân	800	
10	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐT632 (đoạn Km24+00 - Km33+00)	Phù Mỹ	1.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
11	Tuyến đường dọc kênh Lại Giang, Thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	Hoài Nhơn	1.000	
12	Cầu Lạc Điền (Km1+004 tuyến ĐT640)	Tuy Phước	1.000	
13	Đường tỉnh lộ ĐT 638 (Điều trị - Mục Thịnh)	Vân Canh		
	Giai đoạn 1		300	
	Giai đoạn 2		1.000	
	Cầu Núi Thơm		1.000	
14	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Quán Á - Đồng Le (Đoạn từ QL19 đến Đàn tế trời đất)	Tây Sơn	500	
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636A đi cầu ông Bằng, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn	An Nhơn	1.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		4.384	
1	Cầu Sở Bắc	Phù Cát	1.884	
2	Xây dựng mới cầu bản tại Km25+80 tuyến ĐT.637	Vĩnh Thạnh	500	
3	Đường BTXM tuyến từ QL 19 đi thôn 4 (thôn KTM Đồng Cẩm)	Tây Sơn	1.000	
4	Đường BTXM trục chính vào Cụm công nghiệp Bình Dương, huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	1.000	
III	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT		35.590	
a	Các dự án hoàn thành		30.390	
1	Trại nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa, màu An Nhơn	An Nhơn	800	
2	Khu TĐC dân vùng thiên tai xã Hoài Hải (gđ 2)	Hoài Nhơn	730	
3	Kè Bình Sơn	Hoài Ân	1.000	
5	Đập dâng Bà Biên	Hoài Nhơn	370	
4	Gia cố kè chống sạt lở đường đến xã Đăk Mang	Hoài Ân	1.000	
5	Tràn xả lũ hồ Ông Trĩ	Hoài Nhơn	500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
6	Kênh mương nội đồng hồ Suối Đuốc	Vân Canh	870	
7	Chống xói lở dọc bờ sông Kôn (Bờ kè soi Tà Má)	Vĩnh Thạnh	800	
8	Kè bảo vệ, gia cố mái đê suối Cầu Đu (gđ1)	Phù Cát	1.500	
9	BTXM kênh mương thôn An Nội	Vĩnh Thạnh	1.500	
10	Kè chống xói lở đê sông Kôn (đoạn thượng, hạ lưu cầu Tuấn Lễ)	Tuy Phước	1.100	
11	Kè chống xói lở Gò Mũi, xã Tây Vinh	Tây Sơn	1.100	
12	Nâng cấp hồ chứa nước Núi Miếu (Hạng mục: Cống lấy nước)	Phù Mỹ	1.000	
13	Kè chống xói lở Suối Xem, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	1.000	
14	Kè chống xói lở thôn Thạnh Xuân Đông (giai đoạn 2)	Hoài Nhơn	1.000	
15	Kè chống xói lở thôn Công Thạnh (giai đoạn 2), xã Tam Quan Bắc	Hoài Nhơn	1.000	
16	Kênh tiêu úng bầu Chánh Trạch	Phù Mỹ	1.000	
17	Đê ngăn mặn từ Dốc Gành đến cầu Ngòi - Cát Khánh	Phù Cát	1.000	
18	Dự án Tổng hợp đê ven bờ	Toàn tỉnh	100	
19	Dự án đầu tư tu bổ đê điều thường xuyên tỉnh Bình Định (Đê khu đông)		500	
20	Nối tiếp đoạn kênh N2 và N5 thuộc tuyến kênh chính hồ Vạn Hội, Hoài Ân	Hoài Ân	1.100	
21	Hệ thống kênh mương Đồng Đồn làng M6, xã Bình Tân	Tây Sơn	1.000	
22	Bờ Ngự Thủy thôn Tân Kiều (Đoạn từ bến Đập Bình đến bến đò Ông Cảnh), thị xã An Nhơn	An Nhơn	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
23	Đập dâng Ngã Ba - Cầu Tiên, xã Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn	1.000	
24	Đê bao Nhơn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	An Nhơn	1.000	
25	Đê sông Kôn đoạn hạ lưu tràn 3 xã	Tuy Phước	1.100	
26	Kè Đá Huê, xã Canh Thuận	Vân Canh	1.100	
27	Đê biển Nam hạ lưu đập Nha Phu	Tuy Phước	1.100	
28	Kè chống xói lở hạ lưu Cầu Vạn	Tuy Phước	1.100	
29	Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh (đoạn hạ lưu tràn xả lũ hồ Hội Sơn)	Phù Cát	1.400	
30	Kè Suối Dứa	Vân Canh	520	
31	Đập Bà Lánh, xã Hoài Hảo	Hoài Nhơn	1.100	
b	Các dự án chuyển tiếp		5.200	
1	Đầu tư lâm sinh	toàn tỉnh	500	
2	Trồng rừng cảnh quan thành phố Quy Nhơn	Quy Nhơn	500	
3	Đê sông Nghèo (đoạn bờ tả hạ lưu cầu Bến Tranh)	An Nhơn	1.000	
4	Đập dâng Đập Trị	Phù Mỹ	1.000	
5	Đập dâng cây Mít	Phù Cát	1.100	
6	Cải tạo hệ thống kênh T (đoạn từ cầu Cho đến cầu Đá)	Phù Mỹ	1.100	
IV	Ngành Công - Thương		1.700	
a	Các dự án hoàn thành		1.000	
1	Chợ Định Bình - Giai đoạn 1	Vĩnh Thạnh	1.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		700	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
1	Chợ Hoài Hương	Hoài Nhơn	700	
V	Ngành Khoa học và Công nghệ		2.250	
a	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		2.250	
1	Đầu tư tăng cường tiềm lực về chiều sâu của TT Phân tích và Kiểm nghiệm Bình Định giai đoạn 2012 - 2014	Quy Nhơn	1.000	
2	Đầu tư đo lường - thử nghiệm tại Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Bình Định giai đoạn 2015 - 2017	Quy Nhơn	1.250	Dứt điểm
VI	Lao động - Xã hội		1.600	
a	<i>Các dự án hoàn thành</i>		100	
1	Nghĩa trang liệt sỹ Hoài Châu Bắc (Đồi Mười)	Hoài Nhơn	100	
b	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		1.500	
1	Nhà bia Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đồi Mười)	Hoài Nhơn	500	
2	Nghĩa trang liệt sỹ Phước Hòa	Tuy Phước	500	
3	Nghĩa trang nhân dân xã Cát Trinh	Phù Cát	500	
VII	Thông tin và Truyền thông		1.980	
a	<i>Các dự án hoàn thành</i>		1.980	
1	Đầu tư trang thiết bị điều khiển trung tâm và điểm cầu giao ban trực tuyến tại Sở Thông tin và Truyền thông.	Quy Nhơn	980	Dứt điểm
2	Cải tạo, nâng cấp Đài phát sóng Vũng Chua	Quy Nhơn	1.000	
VIII	Văn hóa, Thể thao và Du lịch		5.300	
a	<i>Các dự án hoàn thành</i>		2.000	
1	Tháp Dương Long	Tây Sơn	1.000	
2	Đường vào di tích tháp Thủ Thiện	Tây Sơn	1.000	
b	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		3.300	
1	Tượng đài chiến thắng An Lão	An Lão	1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
2	Trường Trung học văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Quy Nhơn	800	
3	Khu di tích nhà tù Phú Tài	Quy Nhơn	1.000	
IX	QLNN - ANQP		22.090	
a	Các dự án hoàn thành		10.690	
1	Nhà làm việc các phòng ban thuộc UBND huyện An Lão	An Lão	500	
2	Trung tâm thông tin Chỉ huy Công an tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	800	
3	Dự án trung tâm hoạt động TTN Bình Định	Quy Nhơn	1.200	
4	Nhà làm việc Trạm kiểm lâm Tân Phụng	Phù Mỹ	1.000	
5	Nhà làm việc Hạt kiểm lâm An Lão	An Lão	800	
6	Trạm kiểm lâm Canh Vinh	Vân Canh	1.200	
7	Nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phù Mỹ	Phù Mỹ	540	dứt điểm
8	Nhà làm việc rừng phòng hộ huyện An Lão	An Lão	500	
9	Nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
10	Trung tâm bồi dưỡng chính trị Tây Sơn	Tây Sơn	1.000	
11	Sửa chữa nhà làm việc khối đoàn thể	Hoài Ân	400	
12	Công trình kho chứa hàng hóa tạm giữ chờ xử lý	Quy Nhơn	700	
13	Trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quy Nhơn	500	
14	Trụ sở làm việc UBND xã Canh Hiền	Vân Canh	550	
b	Các dự án chuyển tiếp		11.400	
1	Nhà làm việc các cơ quan, phòng, ban thuộc UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
2	Cơ sở làm việc phòng cảnh sát đường thủy thuộc công an tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	800	
3	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	1.800	
4	Văn phòng thường trực tìm kiếm cứu nạn thuộc Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Quy Nhơn	500	
5	Trạm kiểm soát Biên phòng Đề Gi - thuộc đồn Biên phòng 316	Phù Cát	800	
6	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Tây Phú	Tây Sơn	800	
7	Nhà làm việc Sở Xây dựng	Quy Nhơn	700	
8	Sửa chữa Trụ sở Sở Y tế	Quy Nhơn	1.000	
9	Doanh trại dBB52/e739	Quy Nhơn	2.000	
10	Trụ sở làm việc UBND xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	1.000	
11	Trường Quân sự tỉnh Bình Định	Phù Cát	1.000	
	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH ĐÃ QUYẾT TOÁN		15.000	
	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI		40.000	
1	Dự án giáo dục THCS vùng khó khăn nhất giai đoạn 2 tỉnh Bình Định	Trong tỉnh	800	
2	Tường rào Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Quy Nhơn	900	
3	Trụ sở làm việc của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
4	Nhà ăn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quy Nhơn	1.200	
5	Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	500	
6	Nhà làm việc Trung tâm QH nông nghiệp	Quy Nhơn	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
7	Nhà làm việc Sở Tư pháp	Quy Nhơn	1.200	
8	Nhà làm việc Thanh tra tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
9	Trụ sở Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội	Quy Nhơn	1.000	
10	Trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hoài Nhơn	1.000	
11	Trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa khu vực Phú Phong	Tây Sơn	1.000	
12	Trường cao đẳng nghề Quy Nhơn (Tường rào cổng ngõ, sân BTXM, khu vệ sinh)	Quy Nhơn	800	
13	Bê tông kênh mương trên địa bàn huyện Phù Mỹ (giai đoạn 1)	Phù Mỹ	1.200	
14	Bê tông xi măng kênh tưới xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	1.000	
15	Trường THPT Quang Trung	Tây Sơn	1.000	
16	Trụ sở xã Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	800	
17	Đường Canh Lãnh - Suối Đá - Suối Dốt	Vân Canh	1.000	
18	Kè tả ngạn bờ sông cầu Đỏ, xã Phước Hiệp	Tuy Phước	1.000	
19	Tuyến điện thôn 1 - thôn 3, xã An Nghĩa	An Lão	1.000	
20	Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng vào trang trại nuôi heo công nghiệp công nghệ cao huyện Hoài Ân	Hoài Ân	1.000	
21	Tuyến đường từ nhà Thuận đến nhà Huyền, thôn Tài Lương 4, xã Hoài Thanh Tây	Hoài Nhơn	500	
22	Bê tông GTNT xã Mỹ Hòa	Phù Mỹ	1.000	
23	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Thắng (tuyến từ cầu Trảy thôn Hưng Trị xã Cát Thắng đi thôn Trung Bình xã Cát Nhơn)	Phù Cát	1.000	
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Nhơn Hạnh (An Nhơn) đi Cát Nhơn (Phù Cát)	An Nhơn	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
25	Trụ sở làm việc UBND xã Phước Hòa	Tuy Phước	1.000	
26	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Canh Vinh	Vân Canh	1.000	
27	Kiên cố hóa kênh mương đầu mối đập dâng Lộ Nồi	Phù Cát	1.200	
28	Bê tông giao thông nông thôn xã Hoài Phú	Hoài Nhơn	1.000	
29	Bê tông xi măng đường vào Khu sản xuất làng 5, làng 8 xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thạnh	1.000	
30	Kè bờ sông Văn Lãng đoạn từ Lộc Thuận xã Nhơn Hạnh đến Gò Ứng xã Phước Thắng	TX An Nhơn	1.000	
31	Đường BTXM xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	Tuy Phước	1.000	
32	Bê tông kênh mương xã Canh Vinh	Vân Canh	1.200	
33	Tuyến đường liên xã từ thôn Vĩnh Bình xã Mỹ Phong đến giáp tuyến đường ĐT 632 xã Mỹ Lợi	Phù Mỹ	1.000	
34	Đường BTXM liên xã Cát Trinh - Cát Hiệp	Phù Cát	1.000	
35	BTXM tuyến đường từ Thuận Nhất đến giáp huyện Phù Cát	Tây Sơn	1.000	
36	Bê tông kênh mương tưới tiêu xã Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	500	
37	Kè làng Hiệp Giao từ nhà ông Sơn đến nhà ông Thành	Vân Canh	1.000	
38	Trường bắn, thao trường huấn luyện cho LLVT huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	500	
39	Cầu Hòa Phong, xã Nhơn Mỹ	An Nhơn	1.200	
40	Đập dâng Toi Đó, Sơn Lãnh, xã Cát Sơn	Phù Cát	1.000	
41	Di tích lịch sử vụ thảm sát Nho Lâm	Tuy Phước	500	
42	Đền thờ danh nhân văn hóa Đào Tấn	Tuy Phước	500	
43	Khu di tích Vụ thảm sát Kim Tài	An Nhơn	500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
C	VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT		90.000	
I	Ngành Y tế		18.950	
a	Các dự án hoàn thành		15.550	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn - Mua sắm máy giúp thở, máy gây mê	Hoài Nhơn	450	
2	Mua thiết bị đèn mổ, bàn mổ cho nhà mổ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định (Nhà khám)	Quy Nhơn	2.000	
4	Nhà mổ Bệnh viện đa khoa tỉnh (thiết bị rửa tay và điều khiển cửa tự động)	Quy Nhơn	800	
5	Hành lang cầu nối từ Nhà khám đến khu kỹ thuật, HSCC, khu điều trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
6	Sửa chữa, cải tạo dãy nhà C, cơ sở 130 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn của Trường Cao đẳng y tế Bình Định	Quy Nhơn	1.300	
7	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở 130 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn của Trường Cao đẳng y tế Bình Định	Quy Nhơn	1.000	
8	XD hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	1.500	
9	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	Quy Nhơn	1.000	
10	Trang thiết bị bổ sung cho Nhà mổ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quy Nhơn	1.200	
11	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	1.000	
12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn - Nhà điều trị 251 giường	Quy Nhơn	2.000	
13	Dự án: Cải tạo, sửa chữa khu nhà mổ (cũ) và khu nhà Khoa Nội Thận lọc máu BVĐK tỉnh	Quy Nhơn	800	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
14	Trạm Y tế xã Mỹ Lộc	Phù Mỹ	500	
b	Các dự chuyển tiếp		3.400	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (đền bù, giải phóng mặt bằng)	Hoài Nhơn	2.100	
2	Trạm Y tế thị trấn Ngô Mây	Phù Cát	1.300	
II	Văn hóa, Thể thao và Du lịch		10.700	
a	Các dự án chuyển tiếp		10.700	
1	Khu di tích lịch sử Núi Chéo	Hoài Ân	1.200	
2	Sửa chữa, nâng cấp di tích mộ tập thể chiến sĩ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3-Sao vàng	An Nhơn	1.000	
3	Nhà truyền thống chi bộ Đảng đầu tiên huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	500	
4	Khu di tích lịch sử Núi Mun, xã Mỹ Tài	Phù Mỹ	500	
5	Lăng mộ Mai Xuân Thưởng	Tây Sơn	1.500	
6	Các bia di tích đã được xếp hạng và các địa danh là nhà tù hoặc được coi là nhà tù của địch trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	1.000	
7	Đền thờ liệt sĩ huyện Hoài Nhơn (Giai đoạn 1)	Hoài Nhơn	1.500	
8	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa tỉnh	Quy Nhơn	500	
9	Nhà Văn hóa xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	Tuy Phước	500	
10	Nhà Văn hóa xã Bình Tường, huyện Tây Sơn	Tây Sơn	500	
11	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Hoài Hương	Hoài Nhơn	1.000	
12	Trung tâm văn hóa xã Hoài Thanh huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	1.000	
III	Ngành PTTH - Thông tin truyền thông		3.850	
a	Các dự án chuyển tiếp		3.850	
1	Đầu tư mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nhằm hiện đại hóa Đài Phát thanh và Phát thanh Bình Định	Quy Nhơn	3.000	
2	Nâng cấp xây dựng hệ thống mạng tại trung tâm hạ tầng thông tin Bình Định	Quy Nhơn	850	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
IV	Ngành Giáo dục - Đào tạo		56.500	
a	<i>Các dự án hoàn thành</i>		5.742	
	An Nhơn		1.248	
1	Trường Mầm non công lập phường Nhơn Thành	Phường Nhơn Thành	600	
2	Trường Mầm non công lập phường Đập Đá	Phường Đập Đá	550	
3	Trường THCS Nhơn Thọ	Xã Nhơn Thọ	98	
	Hoài Nhơn		4.240	
1	Trường TH số 2 Hoài Tân	xã Hoài Tân	1.290	
2	Trường TH số 2 Tam Quan Nam	xã Tam Quan Nam	1.000	
3	Trường TH số 1 Hoài Thanh	xã Hoài Thanh	1.000	
4	Trường Mẫu giáo Hoài Châu Bắc	xã Hoài Châu Bắc	950	
	Tuy Phước		140	
1	Trường mầm non Phước Thuận	xã Phước Thuận	75	
2	Trường mầm non Phước Sơn	xã Phước Sơn	65	
	Hoài Ân		114	
1	Trường Mẫu giáo Ân Hảo Tây	Xã Ân Hảo Tây	114	
b	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		32.163	
	Sở Giáo dục và Đào tạo		5.600	
1	Trường THPT Nguyễn Trãi	Hoài Nhơn	1.000	
2	Trường THPT Trưng Vương	Quy Nhơn	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
3	Trường THPT Tây Sơn	Tây Sơn	1.100	
4	Trường THPT Nguyễn Diêu	Tuy Phước	1.300	
5	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	An Nhơn	1.200	
	Hoài Nhơn		9.000	
1	Trường Mẫu giáo Hoài Hải	xã Hoài Hải	700	
2	Trường MG Hoài Hương (thôn Thiện Đức Đông)	Xã Hoài Hương	700	
3	Trường mẫu giáo số 1 Hoài Tân (thôn Đệ Đức 3)	Hoài Tân	700	
4	Trường mẫu giáo số 2 Hoài Tân (thôn An Dưỡng 1)	Hoài Tân	700	
5	Trường TH Bồng Sơn	TT Bồng Sơn	1.000	
6	Trường MN Hoài Phú	Xã Hoài Phú	1.000	
7	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc	Xã Tam Quan Bắc	1.000	
8	Trường MN Tam Quan Nam	Xã Tam Quan Nam	1.000	
9	Trường Mẫu giáo Hoài Thanh Tây	xã Hoài Thanh Tây	1.200	
10	Trường MG Hoài Thanh	Xã Hoài Thanh	1.000	
	An Lão		250	
1	Trường Mầm non An Vinh	xã An Vinh	250	
	An Nhơn		1.200	
1	Trường Mầm non Nhơn Phong	Nhơn Phong	500	
2	Trường mẫu giáo Đập đá	Đập Đá	700	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
	Tuy Phước		843	
1	Trường TH số 2 Phước Hiệp	Phước Hiệp	250	
2	Trường THCS Phước An	Phước An	300	
3	Trường THCS Phước Hiệp (nhà bộ môn)	Phước Hiệp	293	
	Phù Cát		1.700	
1	Trường THCS Cát Tiến (nhà bộ môn)	xã Cát Tiến	700	
2	Trường THCS Cát Tài	xã Cát Tài	1.000	
	Phù Mỹ		2.200	
1	Trường Tiểu học Mỹ An	Phù Mỹ	600	
2	Trường Tiểu học số 1 Mỹ Thắng	Mỹ Thắng	700	
3	Trường Mẫu giáo Mỹ Lộc	Mỹ Lộc	500	
4	Trường Mẫu giáo Mỹ Hiệp	Mỹ Hiệp	400	
	Hoài Ân		3.340	
1	Trường TH Ân Hữu	Ân Hữu	800	
2	Trường TH Tăng Doãn Văn	Ân Thạnh	800	
3	Trường mẫu giáo Ân Phong	Ân Phong	340	
4	Trường mẫu giáo Ân Tường Tây	Ân Tường Tây	600	
5	Trường THCS Ân Hữu (nhà bộ môn)	Ân Hữu	800	
	Tây Sơn		980	
1	Trường mẫu giáo Bình Tường	Bình Tường	240	
2	Trường mẫu giáo Bình Thành	Bình Thành	240	
3	Trường mầm non Tây Giang	Tây Giang	500	
	Vân Canh		2.000	
1	Trường TH số 2 TT Vân Canh	TT Vân Canh	500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
2	Trường tiểu học Canh Hòa	Canh Hòa	500	
3	Trường THCS thị trấn Vân Canh	TT Vân Canh	1.000	
	Vĩnh Thạnh		2.550	
1	Trường THCS Huỳnh Thị Đào	Vĩnh Quang	700	
2	Trường Mẫu giáo Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	600	
3	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	450	
4	Trường Mầm non huyện Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	800	
	Trường Chính trị tỉnh		1.000	
1	Trường Chính trị tỉnh	Quy Nhơn	1.000	
	Trường Trung học KT - KT An Nhơn		1.500	
1	Nhà thi đấu đa năng	An Nhơn	1.500	
<i>c</i>	<i>Các công trình phổ cập giáo dục - mầm non trẻ 5 tuổi</i>		18.595	
	UBND huyện Phù Mỹ		6.943	
	Danh mục triển khai năm 2014			
1	Trường MG thị trấn Bình Dương		578	
2	Trường mẫu giáo Mỹ Tài		559	
3	Trường mẫu giáo Mỹ Thắng		564	
4	Trường mẫu giáo Mỹ An		931	
5	Trường mẫu giáo Mỹ Hòa		569	
6	Trường mẫu giáo Mỹ Hiệp		571	
7	Trường mẫu giáo Mỹ Châu		550	
8	Trường mẫu giáo Mỹ Quang		987	
9	Trường MG thị trấn Phù Mỹ		1.634	
	UBND huyện An Lão		1.296	
1	Mẫu giáo xã An Hòa (4 thôn)		216	
2	Mẫu giáo xã An Tân (2 thôn)		216	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
3	Mẫu giáo xã An Hưng (2 thôn)		216	
4	Mẫu giáo xã An Dũng (4 thôn)		324	
5	Mẫu giáo xã An Vinh		108	
6	Mẫu giáo xã An Nghĩa		108	
7	Mẫu giáo xã An Toàn		108	
	UBND huyện Tuy Phước		4.812	
	Danh mục triển khai năm 2014			
1	Trường Mầm non Phước Thuận		728	
2	Trường Mầm non Phước Thành		756	
3	Trường Mầm non Phước Thắng		232	
4	Trường Mầm non Phước An		492	
5	Trường Mầm non Phước Hiệp		252	
6	Trường Mầm non Phước Quang		504	
7	Trường Mầm non Phước Hòa		487	
8	Trường Mầm non TT Điều trị		504	
	Danh mục triển khai năm 2015			
9	Trường Mầm non Phước Hưng		432	
10	Trường Mầm non Phước Lộc		216	
11	Trường Mầm non Phước Sơn		209	
	UBND huyện Vĩnh Thạnh		360	
1	Mẫu giáo Vĩnh Sơn (Suối đá)		120	
2	Mẫu giáo Vĩnh Kim (Làng 03,05)		240	
	UBND huyện Phù Cát		864	
1	Mẫu giáo Cát Hải (Tân Thắng)		108	
2	Mẫu giáo Cát Khánh (An Quang Tây)		108	
3	Mẫu giáo Cát Minh (Xuân An, Gia Thạnh)		216	
4	Mẫu giáo Cát Thành (Hóa Lạc)		108	
5	Mẫu giáo Cát Tài (Thái Thuận, Phú Hiệp)		216	
6	Mẫu giáo Cát Lâm (Thuận Lợi)		108	
	UBND huyện Tây Sơn		1.728	
1	MG Tây Giang (Thôn Tả Giang 2 phòng, Nam Giang 1 phòng)		324	
2	MG Tây Thuận (Thôn Tiên Thuận)		216	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
3	MG Bình Tường (Thôn Hòa Hiệp)		108	
4	MG Tây Vinh (Thôn Nhơn Thuận)		108	
5	MG Bình Thành (Thôn Kiên Ngãi)		216	
6	MG Tây An (Thôn Mỹ Đức)		108	
7	MG Vĩnh An		432	
8	MG Bình Tân (Thôn Mỹ Thạch)		216	
	UBND huyện Vân Canh		216	
1	Trường MG Canh Thuận (Làng Cà Te)		108	
2	Trường MG Canh Hòa (Làng Canh Lãnh)		108	
	An Nhơn		2.376	
1	MG Nhơn An (Tân Dương)		108	
2	MG Đập Đá (Mỹ Hòa 01, Tây Phương Danh:01.)		216	
3	MG Nhơn Hậu (Vân Sơn: 04, Nam Tân: 01, Nam Nhạn Tháp: 01.)		648	
4	Trường mẫu giáo Nhơn Thọ (6P)			
5	MG Nhơn Mỹ (Đại An: 01, Thiết Tràng: 01)		324	
6	Trường mầm non Nhơn Thành		324	
7	MG Nhơn Khánh (Quan Quang: 01)		108	
8	MG Nhơn Hòa (Long Quang: 01, Hòa Nghi: 01, Huỳnh Kim: 01.)		324	
9	MG Nhơn Hưng (Phò An: 01, Tiên Hòa: 01.)		216	
10	MN Nhơn Tân (Phúc Mới.)		108	
D	VỐN NGÂN SÁCH KHÁC		30.000	
a	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		30.000	
1	Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc tại di tích huyện đường Bình Khê	Tây Sơn	30.000	
E	VỐN TẠM ỨNG TỒN NGÂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC		200.000	
1	Đối ứng ODA		30.000	
2	Trung tâm hội nghị của tỉnh	Quy Nhơn	50.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2015	Ghi chú
3	Dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh.	QN-TP	5.000	
4	Đền bù GPMB Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D (đoạn từ ngã ba Long Vân đến Bến xe khách liên tỉnh).	Quy Nhơn	30.000	
5	Quảng trường của tỉnh.	Quy Nhơn	20.000	
6	Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài	Quy Nhơn	5.000	
7	Lát vỉa hè, bó vỉa bằng đá granite đường Nguyễn Huệ, TP Quy Nhơn	Quy Nhơn	5.000	
8	Hợp phần BVĐK tỉnh Bình Định thuộc Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II	Quy Nhơn	30.000	
9	Nhà làm việc 2A Trần Phú	Quy Nhơn	10.000	
10	Quảng trường tỉnh (hạng mục hệ thống điện chiếu sáng, điện ngầm kỹ thuật và cây xanh trong khu vực Quảng trường trung tâm)	Quy Nhơn	1.500	
11	Xây dựng Trụ sở Tỉnh đoàn Bình Định	Quy Nhơn	2.000	
12	Nhà làm việc Sở Giao thông Vận tải	Quy Nhơn	1.500	
13	Mở rộng đường Trần Phú	Quy Nhơn	1.500	
14	Đường từ xã Vĩnh Thuận (huyện Vĩnh Thạnh - tỉnh Bình Định) đến xã Cửu An (thị xã An Khê - tỉnh Gia Lai)	Vĩnh Thạnh	2.300	
15	Kiên cố hóa kênh mương hồ chứa nước Hóc Môn	Phù Mỹ	1.200	
16	Mở rộng đường Nguyễn Thị Định từ ngã ba Ngô Mây đến Lý Thái Tổ	Quy Nhơn	5.000	
G	VỐN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH		2.400	